

MSDN: 0100104387

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2022

Số: 581 /NXB

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

(Theo Biểu mẫu 3 của Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021)

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH  
DOANH CỦA DOANH NGHIỆP (SAU KTNN)**

| TT | Chỉ tiêu                           | ĐVT        | Kế hoạch | Giá trị thực hiện | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|------------------------------------|------------|----------|-------------------|---|
| 1  | Sản phẩm chủ yếu sản xuất          |            |          |                   |   |
| a) | Sản phẩm 1                         |            |          |                   |   |
| b) | Sản phẩm 2                         |            |          |                   |   |
| 2  | Tổng doanh thu                     | Triệu đồng | 151.000  | 169.700           |   |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế               | Triệu đồng | 2.200    | 3.487             |   |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế                 | Triệu đồng | 1.760    | 2.836             |   |
| 5  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước  | Triệu đồng | 5.655    | 6.970             |   |
| 6  | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)  | Triệu đồng |          |                   |   |
| 7  | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) |            | 300      | 300               |   |
| 8  | Tổng số lao động                   | Người      | 298      | 288               |   |
| 9  | Tổng quỹ lương                     | Triệu đồng | 40.376,8 | 39.133            |   |
| a) | Quỹ lương quản lý                  | Triệu đồng | 1.048,8  | 1.179,9           |   |
| b) | Quỹ lương lao động                 | Triệu đồng | 39.328   | 37.953            |   |

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.



- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

Do đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ trên quy mô cả nước và toàn thế giới gây ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội; việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhiều lúc bị ngưng trệ; việc tìm kiếm, khai thác các nguồn việc mới còn hạn chế. Tuy nhiên, được sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng sâu sát từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông; Sự chỉ đạo, điều hành linh hoạt và sáng tạo của Đảng ủy, Ban lãnh đạo, Nhà xuất bản đã sắp xếp, tập trung ổn định tổ chức, cố gắng khắc phục khó khăn để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập thể ban điều hành và mỗi phòng ban, đơn vị tích cực, chủ động trong nhiệm vụ được giao, trong công tác thị trường, vận dụng linh hoạt và thích ứng an toàn với đại dịch, nỗ lực hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, có nguồn kinh phí để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, đời sống thu nhập của CBCNV, người lao động được đảm bảo.

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

### BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

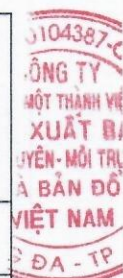
(không có)

| TT | Tên dự án                 | Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng) | Vốn chủ sở hữu (Triệu đồng) | Vốn vay (Triệu đồng) | Vốn khác (Triệu đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (Triệu đồng) | Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...) |
|----|---------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------|--|--|
|    | Dự án quan trọng quốc gia |                              |                             |                      |                       |  |  |
|    | Dự án nhóm A              |                              |                             |                      |                       |  |  |
|    | Dự án nhóm B              |                              |                             |                      |                       |  |  |
|    |                           |                              |                             |                      |                       |  |  |

2. Các khoản đầu tư tài chính.

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON (không có)

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.



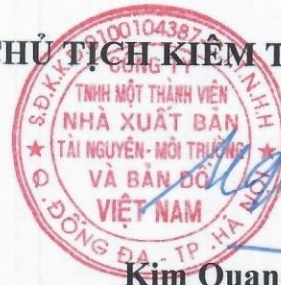
**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI  
CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

| TT       | Tên doanh nghiệp  | Vốn điều lệ (Triệu đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (Triệu đồng) | Tổng tài sản (Triệu đồng) | Doanh thu (Triệu đồng) | Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng) | Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (Triệu đồng) | Tổng nợ phải trả (Triệu đồng) |
|----------|---|--------------------------|---|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|--|-------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>     |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |
| 1.1      | Công ty A   |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |
| 1.2      | Công ty B   |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |
| <b>2</b> | <b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b> |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |
| 2.1      | Công ty C   |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |
| 2.2      | Công ty D   |                          |   |                           |                        |                                   |                                 |                             |  |                               |

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc, KSV;
- Lưu VT, P.TCKT.

**CHỦ TỊCH KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Kim Quang Minh**

